

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/DS-ST

Ngày: 30-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày **30 tháng 7 năm 2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **10/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 27/7/2020** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T. Sinh năm: 1981 và vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Bản C,Y, xã Y, S, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản Chi II, xã C L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Bị đơn: ông Hà Văn M cùng vợ là Hà Thị N. Cư trú: Bản Y L, xã C L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn trình bày ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2014, anh bắt đầu làm kinh doanh thức ăn chăn nuôi hăng cám con cò. Đến năm 2015 có bắt đầu đầu tư cho gia đình ông M và vợ là bà N. Cư trú

tại bản Ý Lường, xã C L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cụ thể: Từ ngày 04/11/2015 đến kết thúc là ngày 06/5/2016, anh đã giao tổng số 27 bao cám thành tiền là 11.245.000đ, cùng số nợ cũ chưa T toán là 5.919.000đ. Tổng nợ là 17.164.000đ. Tính lãi đến ngày 18/01/2020 là 19.500.000đ. Gia đình anh Hà Văn M đã trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn). Anh đã đòi nhiều lần nhưng anh M khất lần không trả. Đến nay đã quá hạn T toán và anh đã đến đòi rất nhiều lần nhưng ông bà cứ khất lần và không hẹn ngày trả. Đến nay, anh không thể chờ đợi thêm được nữa vì số tiền này anh cũng phải vay ngân hàng để đầu tư làm ăn. Vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu buộc ông bà M Nười phải T toán số tiền nợ cám trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020, ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị Nười trình bày như sau:

Trước đây, ông và gia đình anh T có quen biết mua bán cám cò để chăn nuôi lợn nhưng do dịch bệnh, gia đình ông bà làm ăn thua lỗ, lợn bán không được giá nên không trả hết cho anh T số tiền mua cám và còn nợ lại anh T là 5.000.000đ tiền gốc. Về số tiền còn nợ lại anh T cụ thể như sau: Sau khi anh T không cung cấp cám cò chăn nuôi nữa thì số tiền cám cò còn nợ lại là 15.000.000đ. Số tiền này gia đình đã trả được 2 lần: lần 1 là 7.000.000đ và lần thứ hai là 3.000.000đ nên chỉ còn nợ lại 5.000.000đ tiền gốc. Sau đó trong quá trình trả nợ, anh T đã tính lãi suất nên mới có tiền nợ như trong giấy nhận nợ đã viết ngày 15/10/2019 là số tiền 9.500.000đ như anh T khởi kiện gia đình. Về số nợ này, ông M và bà Nười vẫn nhận trách nhiệm trả nợ cho gia đình anh T nhưng nay gia đình khó khăn nên đề nghị anh T giảm bớt lãi suất xuống cho gia đình. Gia đình sẽ cố gắng thu xếp để trả nợ nốt ố tiền cho anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông M, bà Nười có nhận thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng

xét xử: Áp dụng các Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, khoản 1 Điều 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đối với vợ chồng ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N.

Công nhận hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi được giao kết từ năm 2016 giữa bên bán là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H và bên mua là ông Tòng Văn M và vợ là Hà Thị N.

Buộc gia đình ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H số tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa T toán và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 10.089.190đ (mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa trả theo giấy chốt nợ ngày 15/10/2018 là 9.500.000đ, lãi suất chậm trả là 589.190đ.

Ông M và bà N phải chịu án phí Tòa án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn xác nhận có giao dịch về mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M và bà N từ năm 2015, và khởi kiện yêu cầu ông M, bà N trả số tiền cám cò chưa T toán theo hợp đồng. Do bị đơn cư trú trên tại bản Ý L, xã C L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Đã gửi thông báo về phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng bị đơn vắng tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Nguyên đơn có ý kiến đề nghị không tiến hành hòa giải. Nên căn cứ quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp quyết định xét xử và giấy triệu tập cho ông M và bà N nhưng ông M, bà N có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải T toán số tiền cám còn nợ lại 9.500.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngoài lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa án sao trích sổ nhận cám, và giấy nhận nợ ngày 15/10/2018 có chữ ký của ông M.

Toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án tiến hành thông báo hợp lệ đối với bị đơn, bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2020 đã xác nhận có nợ số tiền 9.500.000đ là tiền gốc và lãi chưa trả do lấy thức ăn chăn nuôi và xác nhận sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh T, chị H trong thời gian sớm nhất.

Do vậy, HĐXX nhận thấy có đủ căn cứ xác định giữa anh T, chị H và vợ chồng ông bà M, N có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị H đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản, ông M và bà N đã nhận đủ hàng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự nên việc khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của ông M, bà N đề nghị nguyên đơn giảm lãi xuất trong tổng số tiền phải trả 9.500.000đ. Đồng thời do hoàn cảnh gia đình khó khăn đề nghị được trả dần cho anh T và cố gắng thu xếp để trả đủ cho anh T, chị H trong thời gian sớm nhất. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa, anh T, chị H không chấp nhận ý kiến trên, đề nghị ông M và bà N trả đủ số tiền 9.500.000đ và trả một lần. Do các bên không có thỏa thuận về hình thức T toán trong hợp đồng mua bán cám cò. Nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả tiền thì bên mua là ông M và bà N phải T toán đủ tiền hàng vào thời điểm nhận hàng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét chấp nhận ý kiến của ông M, bà N. Buộc ông M và bà N phải trả cho anh T, chị H số tiền cám còn nợ lại là 9.500.000đ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 30/7/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét trong hợp đồng mua bán tài sản nếu các bên không có thỏa thuận khác về thời gian T toán thì bên mua có nghĩa vụ T toán tiền tại thời điểm nhận tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo lời khai của nguyên đơn và tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì các bên không có thỏa thuận về pH thức giao hàng và T toán. Tuy nhiên, tại giấy nhận nợ đề ngày 15/10/2018, các bên có thống nhất thời hạn trả tiền là ngày 15/12/2019. Do vậy, việc tính lãi chậm trả được tính kể từ ngày tiếp theo của thời hạn trả tiền, ngày 16/12/2019.

Căn cứ Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, việc tính lãi suất chậm trả được thực hiện như sau:

$9.500.000đ \times 7 \text{ tháng} \times 0,83\%/thang + 9.500.000đ \times 14 \text{ ngày} \times 0,028\%/1ngày = 551.950đ + 37.240đ = 589.190đ.$

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông M và bà N phải T toán gồm tiền gốc và lãi chậm trả cho vợ chồng anh T, chị H (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 10.089.190đ (**mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng**). Trong đó: tiền cầm phải trả theo chót nợ là 9.500.000đ, lãi suất chậm trả là 589.190đ.

[3] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39, **Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;**

Các Điều 430, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 668 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H đối với vợ chồng ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N.

Công nhận hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi được giao kết từ năm 2016 giữa bên bán là anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H và bên mua là ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N.

Buộc gia đình ông ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H số tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa T toán và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 10.089.190đ (**mười triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi đồng**). Trong đó: Tiền mua thức ăn chăn nuôi chưa trả theo giấy chót nợ ngày 15/10/2018 là 9.500.000đ, lãi suất chậm trả là 589.190đ.

2. Về án phí:

Ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **504.460đ (năm trăm linh tư nghìn bốn trăm sáu mươi đồng)**.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002206 ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn M và vợ là Hà Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga